

Số: 201/2023/QĐST-HNGĐ

T, ngày 21 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1095/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Văn P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 20 Đ, phường P, quận T, Thành phố H.

Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: 20 Đ, phường P, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn P và bà Trần Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Trần Văn P và bà Trần Thị Ngọc H chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông P và bà H đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0036538 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Các bên đương sự đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn P và bà Trần Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Trần Văn P và bà Trần Thị Ngọc H chấm dứt theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 26 ngày 05/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện U, tỉnh G kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Trần Văn P và bà Trần Thị Ngọc H chịu, được cân trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông P và bà H đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0036538 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Các bên đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Q. T;
- UBND Xã C, huyện U, T. G.
- Chi cục THA.DS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Thành